

VAI TRÒ CỦA PHONG TRÀO CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO Ở MIỀN BẮC ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM THẾ KỈ XX

LÊ TÂM ĐẮC^(*)

Phong trào chấn hưng Phật giáo diễn ra từ nửa đầu thế kỉ XX ở Việt Nam nói chung, ở Miền Bắc nói riêng, có thể nói, đã tạo ra một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam. Với tính chất của một cuộc "cách mạng Phật giáo", phong trào này đã chuyển Phật giáo Việt Nam từ truyền thống sang hiện đại, biểu hiện ở một số phương diện tiêu biểu như: tổ chức Tăng đoàn, đào tạo Tăng tài, hoàng dương Phật pháp, v.v

Về phương diện tổ chức Tăng đoàn. Lần đầu tiên trong lịch sử, Phật giáo Việt Nam có sự đổi mới căn bản về mặt tổ chức. Hình thức Tăng đoàn truyền thống là các tổ đình, sơn môn bình đẳng nhau trong tu tập và đào tạo Tăng tài, tức là "mô hình tổ chức Phật giáo hàng ngang", nay chuyển thành các Hội Phật giáo, được chia thành các cấp từ cao xuống thấp, từ trung ương đến địa phương, tức là "mô hình tổ chức Phật giáo hàng dọc", bao gồm không chỉ có người xuất gia mà còn nhiều thành phần khác trong xã hội. Do vậy, trước năm 1945, mặc dù thực dân Pháp chưa cho phép thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam, nhưng sự ra đời của các Hội Phật giáo ba kỳ Bắc - Trung - Nam và các chi hội Phật giáo địa phương đã góp phần quan trọng giúp hoạt động Phật giáo Việt Nam phát triển theo chiều hướng tích cực.

Về công tác đào tạo Tăng tài. Với phong trào chấn hưng Phật giáo, sự nghiệp giáo dục Phật giáo Việt Nam không dừng lại ở

các sơn môn, tổ đình, các kì an cư kiết hạ dưới mái chùa, mà đã tiến tới thành lập các trường Phật học đào tạo tăng ni theo lối mới, quy củ và có hệ thống từ sơ cấp đến cao cấp, trong đó có sự kết hợp hài hoà giữa nội điển và ngoại điển, giữa Phật học và thế học, đào tạo nâng cao, đào tạo chuyên sâu. Không dừng lại ở đó, để phục vụ cho công cuộc chấn hưng Phật giáo trước mắt cũng như sự nghiệp phát triển Phật giáo Việt Nam lâu dài, công tác giáo dục Phật giáo trong giai đoạn này còn chú trọng đến việc hướng tăng ni học tập các nghề nghiệp xã hội thế tục, cử học tăng tu học ở nước ngoài⁽¹⁾.

Về phương diện hoàng dương Phật pháp. Công việc này trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo chủ yếu được sự giúp sức của báo chí, nhà xuất bản, với những xuất bản phẩm Phật giáo bằng chữ Quốc ngữ đơn giản, dễ đọc, dễ hiểu, nên đạt hiệu quả cao. Việc sử dụng chữ Quốc ngữ để phổ biến giáo lí Phật giáo cũng góp phần thúc đẩy việc học chữ Quốc ngữ trong Phật tử và quần chúng nhân dân.

Đáng chú ý là công cuộc chấn hưng Phật giáo đương thời đã tạo ra một cuộc tranh luận và trao đổi ý kiến rộng rãi và sôi nổi trên sách báo về nhiều vấn đề tư tưởng triết học và giáo lí Phật giáo với những tri thức về đời sống và thực tiễn xã

*. TS., Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

1. Xem: Lê Tâm Đắc. *Công tác giáo dục tăng ni ở Hội Phật giáo Bắc Kỳ*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5/2006, tr.35-42.

hội. Cuộc tranh luận này góp phần thúc đẩy sinh hoạt học thuật và tranh luận học thuật trong xã hội. Về mặt bản chất, cuộc tranh luận và trao đổi là sự “lí giải lại” một số giáo lí Phật giáo cho thích hợp với sự phát triển của xã hội hiện đại. Sự “lí giải lại” này căn bản theo hai hướng: Một là, bóc tách những yếu tố trong giáo lí Phật giáo được cho là không phải của Phật giáo, phá bỏ những kiến chấp, hiểu lầm về Phật giáo, coi Phật giáo là một tôn giáo mê tín, xa lánh cuộc đời, không còn sức sống. Hai là, chứng minh Phật học có nhiều điểm phù hợp với khoa học hiện đại trong việc xem xét các hiện tượng tự nhiên và hiện tượng xã hội.

Bên cạnh những điểm chung so với Miền Trung và Miền Nam nêu trên⁽²⁾, theo chúng tôi, phong trào chấn hưng Phật giáo ở Miền Bắc có thêm một số vai trò nổi bật khác đối với sự phát triển của Phật giáo Việt Nam thế kỉ XX.

Thứ nhất, đề cao tư tưởng “Nhân gian Phật giáo”. Ảnh hưởng mạnh mẽ từ một trong những nội dung chính của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Trung Quốc do Hòa thượng Thích Thái Hư lãnh đạo, tư tưởng “Nhân gian Phật giáo” xuất hiện ngay khi Hội Phật giáo Bắc Kỳ được thành lập (năm 1934), thể hiện qua nhiều bài viết đăng trên tờ *Đuốc Tuệ*, cơ quan ngôn luận của Hội, với nội dung nhấn mạnh đạo Phật là một tôn giáo vì cuộc đời, đạo Phật quan thiết đến đời sống xã hội thế tục. Người chính thức khởi xướng và phát triển tư tưởng “Nhân gian Phật giáo” ở Việt Nam có lẽ là nhà Phật học, cư sĩ Đô Nam Tử Nguyễn Trọng Thuật. Trên tờ *Đuốc Tuệ*, cuối năm 1935 đầu năm 1936, để cụ thể hoá tinh thần “đạo Phật trong cuộc đời”, ông đề nghị con em Phật tử tại gia tổ chức đám cưới trước Phật điện⁽³⁾. Chi tiết hơn, ông còn viết loạt bài dưới tiêu đề *Nhân gian Phật giáo*, trong đó đề cập nhiều đến khía cạnh của đời sống nông thôn, cải tạo và hướng dẫn đời sống ở khu vực này theo tinh thần đạo Phật.

Tư tưởng nhân gian Phật giáo do Nguyễn Trọng Thuật tiếp thu và khởi xướng đã nhận được sự tán thưởng và ủng hộ của nhiều nhà lí luận Phật giáo Miền Bắc, cả về lí thuyết lẫn thực hành, tiêu biểu là nhà sư Thích Trí Hải và cư sĩ Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha.

Từ năm 1935 đến năm 1954, nhà sư Thích Trí Hải đã viết gần 200 bài đăng trên các báo: *Đuốc Tuệ*, *Tinh Tiến*, *Tin tức Phật giáo*, *Diệu Âm*, *Phương Tiện*, và một số sách như *Gia đình giáo dục*, *Kinh Thập Thiện*, *Cái hại của vàng mã*, v.v trong đó hầu hết đề cập đến tư tưởng nhân gian Phật giáo. Tất cả những ý tưởng trên được ông tổng hợp lại và lí luận hóa trong tác phẩm *Nhân gian Phật giáo đại cương*, viết năm 1971, xuất bản năm 2003. Theo sự phác thảo này, nhân gian Phật giáo là một khu vực xã hội Phật giáo thuần túy, nằm song song bên trong một xã hội thực tế. “Quốc độ Phật giáo” theo sự hình dung của ông có các đơn vị hành chính, các cơ quan đoàn thể chia theo lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp; có kinh tế, văn hóa, xã hội, thương mại, du lịch riêng biệt, v.v Tất cả được vận hành một cách hài hoà để tạo ra một xã hội không có tệ nạn xã hội, không có kẻ xấu, không có giai cấp giàu nghèo, mọi người đều bình đẳng với nhau, đều tu thiện làm lành, từ bi cứu khổ. Đó là dạng thức “chủ nghĩa xã hội Phật giáo”, nghĩa là một kiểu xã hội lí tưởng theo quan điểm Phật giáo⁽⁴⁾.

Trong tác phẩm *Con đường học Phật ở thế kỉ thứ XX*, xuất bản lần đầu năm 1952,

2. Xem thêm: Nguyễn Đức Sự. *Vị trí và ảnh hưởng của phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc Kỳ*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4/2006, tr.15-19.

3. Xem thêm: Lê Tâm Đắc. *Về nghi lễ kết hôn trước Phật điện*. Tạp chí *Nghiên cứu Phật học*, số 3/2006, tr.58-60; và Lê Tâm Đắc. *Lễ thành hôn tại ngôi chùa ở Việt Nam: Lịch sử và hiện tại*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3/2008, tr.44-49.

4. Xem thêm: Thích Đồng Bổn. *Hòa thượng Thích Trí Hải với hoài bão nhân gian Phật giáo*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4/2006, tr.20-24.

cư sĩ Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha cũng thể hiện một cách cụ thể chủ trương “Nhân gian Phật giáo” bằng một tư tưởng mà Nguyễn Quốc Tuấn tạm định danh là “tư tưởng Lục hoà - Ngũ Minh”⁽⁵⁾: đó là quan niệm về Tăng già và các thành phần của Tăng già, những công việc chính đốn Tăng đồ, các nguyên tắc độ sinh, các hình thức tu tập và sinh hoạt của Tăng lữ, v.v phù hợp với thời đại mới.

Không dừng lại ở phương diện lí luận, các nhà cải cách Phật giáo ở Miền Bắc đã bước đầu bắt tay vào vận động và thực hiện một số nội dung cụ thể của tư tưởng nhân gian Phật giáo như: tổ chức lễ thành hôn cho con em Phật tử tại ngôi chùa, mở trường nuôi dạy các cô nhi, xây dựng trường Vạn Hạnh ở chùa Hàm Long (Hà Nội), dự kiến xây dựng đại tăng lâm ở Thường Tín (Hà Tây), chuẩn bị mở mang khu di tích Yên Tử (Quảng Ninh), v.v

Trong các giai đoạn sau này và hiện nay, nhiều hoạt động tu tập, hành trì cũng như hoàng dương Phật pháp của Phật giáo Việt Nam, nhất là khu vực Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh, đã và đang thực hiện theo tư tưởng nhân gian Phật giáo mà các nhà cải cách Phật giáo ở Miền Bắc từng khởi xướng và bước đầu thực hiện trong giai đoạn chấn hưng Phật giáo nửa đầu thế kỉ XX.

Thứ hai, nâng cao vị trí và vai trò của Phật giáo Việt Nam trên trường Phật giáo quốc tế. Trước năm 1945, hoạt động Phật giáo quốc tế của Hội Phật giáo Bắc Kỳ đã tương đối sôi động và có hiệu quả thông qua việc cử những học tăng ưu tú tu học ở Trung Quốc năm 1937 (Thượng tọa Thích Trí Hải), ở Campuchia năm 1938 (các thượng tọa Thích Thái Hòa và Thích Thanh Giản); các chuyến viếng thăm qua lại giữa Hội Phật giáo Bắc Kỳ với tổ chức Phật giáo các nước trong khu vực như Lào, Campuchia, Thái Lan; các chuyến viếng thăm của các nhân vật Phật giáo quan trọng nước ngoài mà tiêu biểu nhất

là sự kiện Hòa thượng Thích Thái Hư thăm Hội Phật giáo Bắc Kỳ tại chùa Quán Sứ vào năm 1940, v.v

Tuy nhiên, vị thế và vai trò của Phật giáo Việt Nam với Phật giáo quốc tế chỉ nổi bật sau năm 1950, cụ thể là sau những hoạt động liên tục và hiệu quả của phái đoàn Phật giáo Việt Nam, mà chủ yếu là Hội Phật giáo Việt Nam Bắc Việt, do Thượng tọa Thích Tố Liên làm trưởng đoàn, đối với sự kiện thành lập và hoạt động của Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới.

Từ ngày 10 tháng 5 đến ngày 20 tháng 5 năm 1950, khi ở Ấn Độ (do sự lầm lẫn về thời gian diễn ra Hội nghị Phật giáo Thế giới lần thứ nhất), đoàn Phật giáo Việt Nam đã tiếp xúc và giảng thuyết về Phật giáo Việt Nam tại Hội Phật giáo Đại Bồ Đề (Calcutta, Ấn Độ), yết kiến với Thủ hiến Bengale, tiếp kiến với Tổng thống Ấn Độ - Ngài Prasad Rajendra, v.v

Từ ngày 26 tháng 5 đến ngày 5 tháng 6 năm 1950, đoàn Phật giáo Việt Nam dự Hội nghị Phật giáo Thế giới tại Colombo, Sri Lanka, cùng với 25 đoàn Phật giáo khác, thành lập Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới (World Fellowship of Buddhists). Năm 1951, đoàn Phật giáo Việt Nam dự Hội nghị bất thường Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới tại Colombo, Sri Lanka, đề ra chương trình và thảo luận phương pháp thiết lập hoà bình; dự Hội nghị Văn hóa Phật giáo Thế giới lần thứ nhất tại Sanchi, Ấn Độ. Năm 1952, đoàn Phật giáo Việt Nam dự Hội nghị Phật giáo Thế giới lần thứ hai tại Tokyo, Nhật Bản (tại Hội nghị này, với uy tín và ảnh hưởng của mình, Thượng tọa Thích Tố Liên được bầu là Phó Hội trưởng Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới), v.v

5. Nguyễn Quốc Tuấn. *Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha: Phật pháp và Dân tộc*. Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1/2003, tr.33.

Trong tất cả những cuộc tiếp xúc và làm việc, Thượng tọa Thích Tố Liên với tư cách là trưởng đoàn, đã giới thiệu một cách xuất sắc về Phật giáo Việt Nam, làm cho những người được tiếp xúc có cảm tình, ấn tượng tốt đẹp về Việt Nam và Phật giáo Việt Nam. Tại các hội nghị Phật giáo thế giới, đoàn Phật giáo Việt Nam đều có nhiều đóng góp đáng kể vào sự thành công chung⁽⁶⁾.

Như vậy, có thể khẳng định, trước năm 1954, các tổ chức Phật giáo ở Miền Bắc, với những đóng góp tiêu biểu và nổi bật của Thượng tọa Thích Tố Liên, có vai trò quan trọng trong việc nâng cao vị thế của Phật giáo Việt Nam trên trường Phật giáo quốc tế, đặt nền móng cho công tác Phật giáo quốc tế của Giáo hội Phật giáo Việt Nam sau này.

Thứ ba, đóng góp đáng kể vào sự kiện thống nhất Phật giáo toàn quốc năm 1951. Trên thực tế, ý tưởng thống nhất Phật giáo toàn quốc xuất hiện ngay từ cuối thập kỷ 20 của thế kỷ XX⁽⁷⁾. Tuy nhiên, việc thống nhất tổ chức Phật giáo chung cho toàn quốc, do nhiều lí do khách quan và chủ quan, đã không thể thực hiện được vào thời điểm đó.

Nhu cầu thống nhất tổ chức Phật giáo Việt Nam tiếp tục được vận động sau năm 1945. Sự thống nhất một tổ chức Giáo hội cho toàn quốc là ý thức và niềm mong mỏi của Phật giáo đồ cả ba miền. Tuy nhiên, nhu cầu thiết tha này rõ ràng chỉ thực sự được đặt ra và tiến hành có hiệu quả sau hội nghị lần thứ nhất của Phật giáo thế giới tại Colombo, Sri Lanka, năm 1950, thành lập Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới, mà Việt Nam trở thành một thành viên chính thức, với những đóng góp đáng kể của các tổ chức Phật giáo ở Miền Bắc, nhất là vai trò quan trọng của Thượng tọa Thích Tố Liên.

Trở về từ Hội nghị Colombo, Thượng tọa Thích Tố Liên, với tư cách là trưởng đoàn Phật giáo Việt Nam, thành viên sáng lập Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới, đã tích cực tiến hành nhiều hoạt động vận động thống

nhất Phật giáo toàn quốc. Công việc này đã nhận được sự tán thưởng và ủng hộ của Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới cũng như các tổ chức Phật giáo ở Miền Trung và Miền Nam Việt Nam đương thời⁽⁸⁾.

Khi nhân duyên đã hội đủ, điều kiện trong nước và quốc tế đã chín muồi, hội nghị thống nhất Phật giáo toàn quốc đã diễn ra từ ngày 6 đến ngày 9 tháng 5 năm 1951 tại chùa Từ Đàm, Huế. Hội nghị đã nhất trí thông qua bản Điều lệ, Nội quy của Tổng hội Phật giáo Việt Nam, cũng như hệ thống tổ chức của một loại hình Giáo hội chung cho Phật giáo toàn quốc.

Tóm lại, sau nhiều cố gắng nỗ lực chung, trong đó có vai trò đáng kể của các tổ chức Phật giáo ở Miền Bắc, tiêu biểu là sự đóng góp quan trọng của Thượng tọa Thích Tố Liên, đến năm 1951, nhu cầu thống nhất Phật giáo Việt Nam đã trở thành hiện thực. Sự thống nhất này tuy chưa được triệt để vì một số lí do, trong đó chủ yếu là do nhiều vùng miền của đất nước vẫn còn dưới sự thống trị của thực dân Pháp, nhưng sự kiện này là tiền đề và tiền thân quan trọng cho những bước phát triển của Phật giáo Việt Nam các giai đoạn tiếp theo, nhất là sự thống nhất một cách toàn diện vào tháng 11 năm 1981, sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, thành lập ra một tổ chức duy nhất của Phật giáo Việt Nam là Giáo hội Phật giáo Việt Nam./.

6. Xem thêm: Thượng tọa Tố Liên. *Kỷ sự phái đoàn Phật giáo Việt Nam đi Ấn Độ và Tích Lan*. Nxb Tôn giáo. Hà Nội 2007; và Thích Gia Quang. *Hòa thượng Tố Liên với công tác quan hệ quốc tế của Phật giáo Việt Nam*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3/2007, tr.34-38.

7. Xem: Nguyễn Đại Đồng, Lê Tâm Đắc. *Sư Tâm Lai và việc vận động chấn hưng Phật giáo ở Việt Nam đầu thế kỷ XX*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 6/2007, tr.31-40.

8. Xem: Lê Tâm Đắc. *Hòa thượng Thích Tố Liên với sự thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam năm 1951*. Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 3/2007, tr.29-33.